

Việt Yên, ngày 10 tháng 7 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 84/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Thanh K, sinh năm 1983.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào Điều 55, 59, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Thanh K và chị Nguyễn Thị T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Quan hệ vợ chồng: Anh Đỗ Thanh K và chị Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

-Con chung: Anh Đỗ Thanh K được nuôi hai con chung của vợ chồng là Đỗ Đức N, sinh ngày 12/9/2005 và Đỗ Thị Lan A, sinh ngày 07/12/2008. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đỗ Thanh K.

Chị Nguyễn Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

-Tài sản chung: Anh Đỗ Thanh K được sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng gồm có: 08 gian nhà cấp 4 lợp proxy măng, 04 gian công trình phụ lợp proxy măng, tường bao quanh đất (*Xây dựng trên đất của gia đình, giấy CNQSDĐ mang tên ông Đỗ Văn Quy*), 01 tủ thờ gỗ ép, 01 kệ ti vi gỗ ép, 01 ti vi, 01 tủ móc quần áo, 02 chiếc giường đôi, 01 bộ bàn ghế, 01 bàn học sinh, 01 máy bơm nước, 01 tét

nước, 01 tủ lạnh, 01 bộ bếp ga và 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng) tiền mặt. Tổng giá trị tài sản là 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Anh Đỗ Thanh K có nghĩa vụ chia cho chị Nguyễn Thị T giá trị $\frac{1}{2}$ tài sản chung của vợ chồng bằng tiền là 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

-□n phí: Anh Đỗ Thanh K tự nguyện chịu cả 150.000đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 750.000đồng tiền án phí chia tài sản. Được trừ vào số tiền 300.000đồng anh K đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 04935 ngày 18/4/2018 và được trừ vào số tiền 1.250.000đồng anh K đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 05017 ngày 26/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Trả lại anh Đỗ Thanh K 650.000đồng (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 750.000đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí chia tài sản.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Việt Yên
- CCTHADS huyện Việt Yên
- Các đ- ơng sự
- UBND xã T
- L- u

THẨM PHÁN

Đã ký

Vũ Văn Hợp